TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Số: 528 /CSĐP - KTTV

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 11 tháng 08 năm 2020

Kính gửi:
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2020
(Đã Soát Xét)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 THÁNG NĂM 2020	06 THÁNG NĂM 2019	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	**185.992.898.973**	**255.797.439.505**	(69.804.540.532)	**72,71**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		**185.992.898.973**	**255.797.439.505**	(69.804.540.532)	**72,71**
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	**127.120.678.846**	**147.276.482.456**	(20.155.803.610)	**86,31**
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	21		**58.872.220.127**	**108.520.957.049**	(49.648.736.922)	**54,25**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	14.873.303.082	27.849.327.591	(12.976.024.509)	**53,41**
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	6.327.962.485	6.552.161.599	(224.199.114)	**96,58**
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25		1.815.666.857	1.568.789.049	246.877.808	**115,74**
9	Chi phí bán hàng	26		1.215.619.838	1.507.327.228	(291.707.390)	**80,65**
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		15.444.851.517	15.079.697.961	365.153.556	**102,42**
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		**50.757.089.369**	**113.231.097.852**	(62.474.008.483)	**44,83**
12	Thu nhập khác	32		10.040.805.881	8.258.202.544	1.782.603.337	**121,59**
13	Chi phí khác	40		2.763.735.943	2.321.036.827	442.699.116	**119,07**
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	50		**7.277.069.938**	**5.937.165.717**	1.339.904.221	**122,57**
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		**58.034.159.307**	**119.168.263.569**	(61.134.104.262)	**48,70**
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	11.109.981.693	20.817.015.080	(9.707.033.387)	**53,37**
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		**46.924.177.614**	**98.351.248.489**	(51.427.070.875)	**47,71**
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71		**1.169**	**2.451**		
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong 06 tháng năm 2019: Sản lượng tiêu thụ là: 4.487,13 tấn; Giá bán bình quân: 32.996.999 VND/tấn.
Trong 06 tháng năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 3.145,92 tấn; Giá bán bình quân: 33.327.542 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ 06 tháng năm 2020 thấp hơn 06 tháng năm 2019. Nhưng giá bán bình quân cao hơn 06 tháng năm 2019.

(giá bán bình quân 06 tháng năm 2020 tăng : 330.543VND/tấn hay tăng: 1,00 % so với 06 tháng năm 2019).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2020 giảm: 62.474.008.483 VND hay giảm 55,17% so với 06 tháng năm 2019.

+ Lợi nhuận khác 06 tháng năm 2020 tăng : 1.339.904.221VND hay tăng: 22,57% so với 06 tháng năm 2019.

Do đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2020 giảm: 51.427.070.875VND hay giảm : 52,29% so với 06 tháng năm 2019.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Hồ Cường

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu (b)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Số: 529 /CSĐP - KTTV

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 11 tháng 08 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2020
(ĐÃ SOÁT XÉT)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	06 THÁNG NĂM 2020	06 THÁNG NĂM 2019	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàngvà cung cấp dịch vụ	1	**298.140.768.496**	**332.154.572.066**	(34.013.803.570)	89,76
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	165.000.905	51.519.091	113.481.814	320,27
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	**10**			-	
	dịch vụ (10 = 10 - 01)		**297.975.767.591**	**332.103.052.975**	(34.127.285.384)	89,72
4	Giá vốn hàng bán	11	**218.822.408.900**	**211.230.427.422**	7.591.981.478	103,59
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	**20**			-	
	dịch vụ (20 = 10 -11)		**79.153.358.691**	**120.872.625.553**	(41.719.266.862)	65,48
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	32.026.219.892	27.430.526.133	4.595.693.759	116,75
7	Chi phí tài chính	22	10.291.214.483	15.170.687.513	(4.879.473.030)	67,84
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23	8.869.803.527	8.917.481.256	(47.677.729)	99,47
8	Chi phí bán hàng	24	6.966.423.956	6.497.624.694	468.799.262	107,21
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.924.613.227	31.437.648.945	486.964.282	101,55
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	**30**	**61.997.326.917**	**95.197.190.534**	(33.199.863.617)	65,13
11	Thu nhập khác	31	12.226.802.835	23.560.450.641	(11.333.647.806)	51,90
12	Chi phí khác	32	3.022.346.707	2.447.511.467	574.835.240	123,49
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	**40**	**9.204.456.128**	**21.112.939.174**	(11.908.483.046)	43,60
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	**50**	**71.201.783.045**	**116.310.129.708**	(45.108.346.663)	61,22
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18.244.030.159	25.055.421.362	(6.811.391.203)	72,81
16	Chi phí thuếTNDN hoãn lại	52	872.073.841	221.313.537	650.760.304	394,04
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	**52.085.679.045**	**91.033.394.809**	(38.947.715.764)	57,22
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	**47.473.002.980**	**86.779.253.605**	(39.306.250.625)	54,71
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	**4.612.676.065**	**4.254.141.204**	358.534.861	108,43
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**	1.183	2.163		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**	1.183	2.163		

Giải Trình:

Trong 06 tháng năm 2019: Sản lượng tiêu thụ là: 4.487,13 tấn; Giá bán bình quân: 32.996.999 VND/tấn.

Trong 06 tháng năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 3.145,92 tấn; Giá bán bình quân: 33.327.542 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ 06 tháng năm 2020 thấp hơn 06 tháng năm 2019. Nhưng giá bán bình quân cao hơn 06 tháng năm 2019.

(giá bán bình quân 06 tháng năm 2020 tăng : 330.543VND/tấn hay tăng: 1,00 % so với 06 tháng năm 2019).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2020 giảm: 33.199.863.617VND hay giảm 34,87% so với 06 tháng năm 2019.

+ Lợi nhuận khác 06 tháng năm 2020 giảm : 11.908.483.046 VND hay giảm: 56,4% so với 06 tháng năm 2019.

Do đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2020 giảm: 38.947.715.764VND hay giảm : 42,78% so với 06 tháng năm 2019.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Hồ Cường

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu (b)